

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định việc giảng dạy kiến thức văn hóa phổ thông áp dụng cho Trung cấp tuyển đối tượng chưa tốt nghiệp THPT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Công văn số 8298/BGDĐT-GDTrX ngày 21 tháng 9 năm 2009 và Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình khung trung cấp;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo - CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Hướng dẫn thực hiện quy định đào tạo áp dụng cho đào tạo trình độ Trung cấp tuyển đối tượng chưa tốt nghiệp THPT các ngành đang đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghiệp Huế.

Điều 2: Hướng dẫn thực hiện quy định đào tạo được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo - CTSV, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban GH;
- Lưu VT, ĐT(LVH).



Phạm Văn Quân

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CĐCN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH

Quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp tại trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-CĐCNH ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Hướng dẫn này quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế.

2. Hướng dẫn quy định này áp dụng đối với học sinh đăng ký học kiến thức văn hóa trình độ trung cấp tại trường Cao đẳng Công nghiệp Huế cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2022-2023.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và mục đích

1. Khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông là khối lượng kiến thức cơ bản trong Chương trình giáo dục trung học phổ thông được lựa chọn phù hợp với ngành, nghề đào tạo của giáo dục nghề nghiệp để giảng dạy cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức của môn học (sau đây gọi tắt là môn học) quy định những nội dung kiến thức cơ bản được lựa chọn trong chương trình môn học của chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

3. Giúp cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp được học và hoàn thành khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông được cấp Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông để sử dụng trong việc theo học trình độ cao hơn của giáo dục nghề nghiệp và sử dụng trong trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 3. Các môn học

1. Các môn học bắt buộc: Toán; Ngữ văn; Vật lý; Hóa học.
2. Nội dung kiến thức, yêu cầu cần đạt và thời lượng học tập của mỗi môn học được quy định tại Công văn số 8298/BGDĐT-GDĐT ngày 21 tháng 9 năm 2009 và Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

Điều 4. Tổ chức giảng dạy

1. Việc giảng dạy các môn học được tổ chức theo lớp học, mỗi lớp học có không quá 45 học sinh.
2. Phòng Đào tạo – CTSV; Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức giảng dạy các môn học bảo đảm nội dung kiến thức, yêu cầu cần đạt và thời lượng học tập; tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá; tổ chức thi kết thúc môn học; xác nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh.
3. Hoạt động giảng dạy thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.
4. Thực hiện phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh; chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

Điều 5. Hình thức đánh giá, xếp loại

1. Kiểm tra cho điểm đối với tất cả 4 môn học bắt buộc và các môn học khuyến khích (nếu có).
2. Căn cứ vào kết quả học tập các môn học của học sinh xếp thành 5 loại: giỏi (viết tắt: G), khá (viết tắt: K), trung bình (viết tắt: Tb), yếu (viết tắt: Y), kém (viết tắt: kém).

Điều 6. Thang điểm, hình thức kiểm tra

1. Điểm kiểm tra theo thang điểm 10. Điểm kiểm tra là một số nguyên. Điểm kiểm tra học kỳ có thể là số thập phân, phần thập phân được giữ lại một chữ số, là số 0 hoặc số 5 theo quy tắc làm tròn.
2. Hình thức kiểm tra bao gồm: kiểm tra miệng (KTm), kiểm tra viết 15 phút (viết tắt KT15 phút), kiểm tra viết một tiết trở lên (viết tắt KT1 tiết), kiểm

tra thực hành (KTth), kiểm tra học kỳ (KThk) kết hợp với các hình thức kiểm tra, đánh giá quá trình học tập khác như: phiếu hỏi, phiếu quan sát, nhật kí học tập, kế hoạch học tập, sổ theo dõi học tập, hồ sơ học tập, phỏng vấn, thông tin phản hồi của bạn bè và học tập hợp tác.

3. Điểm trung bình học kỳ, cả năm là một số nguyên hoặc số thập phân, phần thập phân giữ lại một chữ số theo quy tắc làm tròn”.

Điều 7. Số lần kiểm tra

1. Thực hiện đủ số bài kiểm tra viết một tiết, bài kiểm tra thực hành và bài kiểm tra học kỳ được quy định cụ thể trong phân phối chương trình từng môn học.

2. Trong một học kỳ, số lần kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút đối với mỗi môn học được quy định như sau:

a) Những môn học từ 1 tiết đến 1,5 tiết trong một tuần: ít nhất có 2 lần kiểm tra 15 phút và ít nhất 50% số học viên trong lớp được kiểm tra miệng;

b) Những môn học từ 2 tiết đến 3 tiết trong một tuần: ít nhất có 2 lần kiểm tra 15 phút và 100% số học viên trong lớp được kiểm tra miệng;

c) Những môn học từ 3,5 tiết đến 4 tiết trong một tuần trở lên: ít nhất 3 lần kiểm tra 15 phút và 100% số học viên trong lớp được kiểm tra miệng.

3. Những học viên không đủ số bài kiểm tra theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này thì phải được kiểm tra bù. Bài kiểm tra bù phải đảm bảo hình thức kiểm tra, mức độ kiến thức, kỹ năng và thời lượng tương đương với bài kiểm tra bị thiếu. Thời gian kiểm tra bù theo kế hoạch của cơ sở giáo dục thường xuyên. Học viên không dự kiểm tra bù thì cho điểm 0.

Điều 8. Hệ số điểm các bài kiểm tra, hệ số môn học và hệ số điểm trung bình môn học kỳ

1. Hệ số điểm các bài kiểm tra:

a) Bài kiểm tra miệng, kiểm tra viết 15 phút: Hệ số 1

b) Bài kiểm tra 1 tiết, kiểm tra thực hành: Hệ số 2

c) Bài kiểm tra học kỳ: Hệ số 3

Điều 9. Điểm trung bình môn học

1. Điểm trung bình môn học kỳ (ĐTB mhk) là trung bình cộng của điểm các bài kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra viết một tiết, kiểm tra thực hành và bài kiểm tra học kỳ với các hệ số quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy chế này.

$$\text{ĐTB mhk} = \frac{\text{KTm} + \text{KT 15 phút} + 2 \times \text{KT 1 tiết} + 2 \times \text{KTth} + 3 \times \text{KThk}}{\text{Tổng các hệ số}}$$

2. Điểm trung bình môn cả năm (ĐTBmcn) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ I (ĐTBmhkI) với điểm trung bình môn học kỳ II (ĐTBmhkII) với các hệ số quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này.

$$\text{ĐTB}_{cn} = \frac{\text{ĐTB}_{mhI} + 2 \times \text{ĐTB}_{mhII}}{3}$$

3. Điểm trung bình môn học kỳ, cả năm là một số nguyên hoặc số thập phân, phần thập phân giữ lại một chữ số theo quy tắc làm tròn số.

Điều 10. Điểm trung bình học kỳ, cả năm

1. Điểm trung bình các môn học kỳ (ĐTB_{hk}) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ tất cả các môn học.

$$\text{ĐTB}_{hk} = \frac{\text{ĐTB}_{mhk} \text{ Toán} + \text{ĐTB}_{mhk} \text{ Vật lý} + \dots}{\text{Tổng hệ số}}$$

2. Điểm trung bình cả năm (ĐTB_{cn}) là trung bình cộng của điểm trung bình môn cả năm của tất cả các môn học.

$$\text{ĐTB}_{cn} = \frac{\text{ĐTB}_{mcn} \text{ Toán} + \text{ĐTB}_{mcn} \text{ Vật lý} + \dots}{\text{Tổng hệ số}}$$

Điều 11. Thi kết thúc môn học

1. Học sinh có ĐTB_{mh} đạt từ 5,0 điểm trở lên và nghỉ học không quá 20% thời lượng học tập của môn học thì được dự thi kết thúc môn học đó.

2. Hình thức thi kết thúc môn học được thực hiện thông qua bài thi trên giấy hoặc trên máy tính.

3. Thời gian làm bài thi trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút. Đề thi kết thúc môn học phải có đáp án, tiêu chí chấm, thang điểm chi tiết, đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học theo quy định.

Điều 12. Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ, cả năm

1. Loại giỏi (G): Điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt từ 8,0 trở lên.
 2. Loại khá (K): Điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt từ 6,5 trở lên,
 3. Loại trung bình (Tb): Điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt từ 5,0 trở lên.

4. Loại yếu (Y): Điểm trung bình học kỳ, cả năm dưới 5,0.

5. Loại kém (Kém): Điểm trung bình học kỳ, cả năm dưới 3,5.

6. Đối với những học viên nếu điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt mức quy định tại các khoản 1, 2, 3 của Điều này, nhưng do điểm trung bình của một môn học thấp hơn mức quy định cho loại đó thì được xếp loại như sau:

a) Nếu điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt mức G nhưng do ĐTB của 1 môn phải xếp xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K;

b) Nếu điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt mức G nhưng do ĐTB của 1 môn phải xếp xuống loại Yếu thì được điều chỉnh xếp loại Tb;

c) Nếu điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt mức K nhưng do ĐTB của 1 môn phải xếp xuống loại Yếu thì được điều chỉnh xếp loại Tb;

d) Nếu điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt mức K nhưng do ĐTB của 1 môn phải xếp xuống loại kém thì được điều chỉnh xếp loại Y;

đ) Nếu điểm trung bình học kỳ, cả năm đạt mức Tb nhưng do ĐTB của 1 môn phải xếp xuống loại kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

Điều 13. Cấp Giấy chứng nhận kết quả học tập đã hoàn thành các môn văn hóa trung học phổ thông.

1. Điểm kiểm tra, đánh giá của mỗi môn học và điểm thi kết thúc môn học được ghi trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh theo lớp học quy định tại Điều 16 Quy định này.

2. Học sinh có điểm thi kết thúc môn học của tất cả các môn học theo ngành, nghề đào tạo đạt từ 5,0 điểm trở lên được xác nhận là đủ điều kiện để dự thi tốt nghiệp 3 môn văn hóa (Toán; Vật lý; Hóa học) thuộc khối kiến thức được quy định trong chương trình.

3. Giấy chứng nhận kết quả học tập đã hoàn thành các môn văn hóa trung học phổ thông do người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức giảng dạy cấp. Mẫu Giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 14. Đội ngũ giáo viên

1. Bố trí đủ số giáo viên cho từng môn học để bảo đảm thực hiện đủ nội dung các môn học theo kế hoạch giảng dạy của cơ sở giáo dục.

2. Giáo viên phải có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên (bằng tốt nghiệp đại học sư phạm) hoặc có bằng cử nhân (bằng tốt nghiệp đại học) chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cơ sở vật chất

1. Cơ sở giáo dục phải bảo đảm cơ sở vật chất tối thiểu cho việc giảng dạy các môn học.

2. Cơ sở giáo dục phải có đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu, tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học phục vụ cho giảng dạy các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 16. Hồ sơ quản lý hoạt động giảng dạy

1. Hồ sơ của Phòng ĐT-CTSV; khoa chuyên môn gồm:

- a) Kế hoạch giảng dạy;
- b) Sổ theo dõi và đánh giá kết quả học sinh theo lớp học;
- c) Sổ ghi đầu bài;

- d) Sổ cấp phát Giấy chứng nhận kết quả học tập
2. Hồ sơ của giáo viên gồm:
 - a) Kế hoạch giảng dạy;
 - b) Giáo án;
 - c) Sổ theo dõi và đánh giá kết quả học sinh.
3. Hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này dạng hồ sơ điện tử được sử dụng thay cho các loại hồ sơ giấy theo lộ trình phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục, khả năng thực hiện của giáo viên và bảo đảm tính hợp pháp của các loại hồ sơ điện tử.
4. Việc bảo quản hồ sơ quản lý hoạt động giảng dạy của cơ sở giáo dục được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hướng dẫn Quy định này áp dụng đối với học sinh đăng ký học kiến thức văn hóa trình độ trung cấp tại trường Cao đẳng Công nghiệp Huế cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2022-2023. Đối với các khóa tuyển sinh trước thời điểm quyết định này có hiệu lực, vẫn thực hiện việc tổ chức đào tạo theo các quy định hiện hành tại thời điểm bắt đầu khóa học cho đến khi kết thúc khóa học.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Quân

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CĐCN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VĂN HÓA

Họ và tên: NGUYỄN

Ngày sinh: 04/02/2003

Mã số sinh viên:

Nơi sinh:

Giới tính: Nam

Bậc đào tạo: Trung cấp

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa: CNTT - Truyền thông

Chuyên ngành: Tin học ứng dụng

Thời gian đào tạo: 2019-2022 (3 năm)

Lớp: 19TCTH12-B

TT	MÔN HỌC	SỐ TIẾT	ĐIỂM
ĐIỂM TỔNG KẾT LỚP 10			
1	Toán học	112	5.0
2	Vật lý	64	5.0
3	Hóa học	64	6.0
4	Ngữ văn	96	6.6
ĐIỂM TỔNG KẾT LỚP 12			
1	Toán học	128	5.0
2	Vật lý	64	5.5
3	Hóa học	64	5.7
4	Ngữ văn	96	5.0

TT	MÔN HỌC	SỐ TIẾT	ĐIỂM
ĐIỂM TỔNG KẾT LỚP 11			
1	Toán học	128	6.0
2	Vật lý	64	5.1
3	Hóa học	64	5.3
4	Ngữ văn	112	6.0
ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Toán học		5.3
2	Vật lý		5.2
3	Hóa học		5.7
4	Ngữ văn		5.9

Điểm trung bình chung 04 môn học: 5.5

Điểm các môn thi tốt nghiệp:

Môn Toán học: 5.0

Môn Vật lý: 5.0

Môn Hóa học: 6.0

Điểm trung bình chung tốt nghiệp: 5.3

Được công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa theo Quyết định số /QĐ-CĐCNH ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế./.

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 6 năm 2022

TL. HIỆU TRƯỞNG
PT. ĐÀO TẠO - CTSV